

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀO ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI NÔNG LÂM

Trần Nam Tú

*Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo*

**Tóm tắt.** Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học (CGKQNCKH) vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong các trường đại học khối nông lâm. Nghiên cứu tiến hành khảo sát tại 03 trường đại học khối nông lâm về mức độ đánh giá của các nội dung quản lý từ nhận thức (A), lập kế hoạch (P), tổ chức thực hiện (D), kiểm tra đánh giá (C) đến điều chỉnh bổ sung (A). Kết quả cho thấy có sự đánh giá khác nhau của các nội dung quản lý, đây là cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động này trong trường đại học.

**Từ khóa:** quản lý chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, trường đại học khối nông lâm, nghiên cứu khoa học, quản lý giáo dục.

### 1. Mở đầu

Gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo được nhiều tác giả phân tích ở các khía cạnh khác nhau và đang thu hút sự chú ý quan trọng của cả các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu quốc tế [1]. Hầu hết các nghiên cứu này nhằm mục đích chứng minh mối quan hệ rõ ràng giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học [2-5]. Các tác giả kết luận rằng sự tham gia vào giảng dạy sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, tích hợp kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy sẽ đóng góp đáng kể cho năng suất, hiệu quả giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên. Tuy nhiên, nghiên cứu quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy và học trong các cơ sở giáo dục đại học nói chung và các trường đại học thuộc khối nông lâm nói riêng chưa được đánh giá một cách đầy đủ, chưa có hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với hoạt động quản lý chuyển giao kết quả này [6]. Do vậy, nghiên cứu quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy và học có ý nghĩa quan trọng trong việc đề xuất các tiêu chuẩn, tiêu chí và giải pháp của quá trình quản lý từ khâu nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá đến điều chỉnh bổ sung kế hoạch đối với việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong trường đại học.

Kết quả nghiên cứu bao gồm kiến thức có giá trị và sáng tạo được tạo ra trong quá trình nghiên cứu [7]. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn bao gồm kết quả cho hiệu quả kinh tế, hiệu ứng xã hội, đổi mới khoa học và công nghệ, v.v...

Chuyển giao kiến thức nghiên cứu vào giảng dạy đã được nhiều tác giả nghiên cứu trong hệ thống các trường đại học [8-9]. Các tác giả cho rằng thực chất của chuyển giao kiến thức từ hoạt

---

Ngày nhận bài: 27/3/2020. Ngày sửa bài: 7/4/2020. Ngày nhận đăng: 15/4/2020.

Tác giả liên hệ: Trần Nam Tú. Địa chỉ e-mail: [trannamtu@gmail.com](mailto:trannamtu@gmail.com)

động nghiên cứu là quá trình chuyển giao kết quả nghiên cứu vào hoạt động giảng dạy. Người học được cập nhật những kiến thức mới từ những nghiên cứu của các nhà khoa học, giảng viên.

Phương pháp dạy học của giảng viên có sự thay đổi theo chiều hướng cải tiến khi hoạt động nghiên cứu gắn với hoạt động giảng dạy, đặc biệt khi sử dụng kết quả nghiên cứu vào việc truyền thụ kiến thức, kỹ năng sẽ giúp cho sinh viên thay đổi phương pháp học tập [10]. Một trong những hình thức đổi mới phương pháp dạy học là giảng viên sử dụng kết quả nghiên cứu vào chương trình giảng dạy; cung cấp phương pháp và kỹ năng nghiên cứu phù hợp với từng cấp độ của người học; thường xuyên cập nhật kết quả nghiên cứu mới nhất vào bài giảng. Ngược lại, người học được tiếp thu những kiến thức mới của giảng viên thông qua hoạt động học tập; cập nhật phương pháp học tập mới, tham gia hoạt động nghiên cứu và tổ chức thực hiện các nghiên cứu.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra mạng mẽ, giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực, có vai trò trung tâm trong sự thành công và bền vững của nền kinh tế tri thức [11]. Trong đó, quản lý hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo trong trường đại học sẽ có những thay đổi sâu rộng đến sự phát triển của nhà trường, môi trường đào tạo, năng lực của giảng viên, nhà khoa học và sinh viên.

Có thể thấy, mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học với hoạt động giảng dạy đã được nhiều tác giả đề cập ở các khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong trường đại học chưa được nghiên cứu một cách bài bản, đi sâu phân tích, đánh giá nhằm đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả quá trình chuyển giao này, đặc biệt đối với các trường đại học khối nông lâm.

Trong bài báo này, chúng tôi trình bày thực trạng quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong trường đại học, trong đó đánh giá theo 2 tiêu chí (biểu hiện) cơ bản. Mỗi tiêu chí bao gồm 21 nội dung thuộc về nhận thức (Awareness-A) và 4 chức năng trong mô hình chu trình quản lý Deming (Plan – Do – Check – Act).

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp, đối tượng và công cụ khảo sát, xử lý kết quả

#### 2.1.1. Phương pháp, đối tượng và phạm vi khảo sát thực trạng

Tác giả sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 321 cán bộ quản lý (CBQL) và giảng viên (GV) về đánh giá thực trạng quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong trường đại học theo các tiêu chí nói trên.

Địa bàn khảo sát là 03 trường đại học khối nông lâm (Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Nông lâm – Đại học Huế và Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian khảo sát: năm 2019.

#### 2.1.2. Công cụ khảo sát và xử lý kết quả khảo sát

Để khảo sát thực trạng quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong trường đại học, tác giả thiết kế và sử dụng bảng hỏi với thang đánh giá ở 4 mức độ, gồm yếu, trung bình, khá và tốt.

Điểm cho các mức độ tương ứng là 1,2,3 và 4 (min=1, max=4). Tính điểm TB ( $\bar{X}$ ) với các mức: Yếu  $1 \leq \bar{X} \leq 1.74$ ; Trung bình  $1.75 \leq \bar{X} \leq 2.49$ ; Khá  $2.5 \leq \bar{X} \leq 3.24$ ; Tốt  $3.25 \leq \bar{X} \leq 4$ .

Xử lý phiếu khảo sát, tác giả thống kê thành các bảng số, tính giá trị trung bình theo đối tượng và trung bình chung theo tất cả các đối tượng với từng tiêu chí, xếp hạng, phân tích số

liệu theo 4 mức đạt được, so sánh kết quả của các tiêu chí để đưa ra các nhận định, đánh giá về thực trạng quản lý CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên trong trường đại học.

## **2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **2.2.1. Thực trạng quản lý chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

Kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được trình bày trong Bảng 1.

**Bảng 1. Kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên**

Đối tượng  Nội dung quản lý	CBQL		GV		TB chung	Hạng
	TB	Hạng	TB	Hạng		
1.1. Nhận thức của lãnh đạo nhà trường, phòng chức năng, khoa chuyên môn về việc CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (Awareness)	3,84	1	3,02	5	3,43	2
1.2. Nhận thức của giảng viên, nhà khoa học về việc CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (Awareness)	3,77	2	3,32	1	3,54	1
1.3. Trường có Văn bản có “chiến lược” về việc CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (P)	3,58	6	3,26	2	3,42	4
1.4. Trường có Văn bản có tính “quy trình hóa” về việc CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (P)	3,59	5	3,26	2	3,43	2
1.5. Kế hoạch CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên gắn với kế hoạch đào tạo của trường, khoa chuyên môn (P)	3,47	8	2,96	7	3,21	6
1.6. Kế hoạch CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được cụ thể theo khóa học, năm học. (P)	3,33	12	2,97	6	3,15	11
1.7. Kế hoạch CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên cụ thể trách nhiệm cần thực hiện cho cán bộ quản lý, các phòng chức năng, khoa/bộ môn, giảng viên. (P)	3,29	13	2,86	11	3,07	12
1.8. Các văn bản liên quan việc CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được ban hành đúng thời gian, đến các đối tượng thực hiện (P)	3,22	15	2,72	17	2,97	16
1.9. Kế hoạch CGKQNCXH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có sự tham gia rộng rãi của các nhà khoa học và các bên liên quan ngoài CSĐT (P)	3,42	10	2,89	10	3,16	10
1.10. Kế hoạch CGKQNCXH vào đổi mới	2,86	19	2,64	19	2,75	19

phương pháp dạy học của giảng viên được thiết kế có sự tham gia của rộng rãi các giảng viên, nhà khoa học trong trường (trong CSĐT) (P).						
1.11. Việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được thực hiện đủ các bước theo quy trình (D)	2,87	18	2,92	8	2,89	17
1.12. Bản dự thảo điều chỉnh CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (D)	3,18	16	2,80	12	2,99	15
1.13. Thực hiện CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức ngoài nhà trường (chuyên gia, doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng lao động,...) (D)	2,42	21	2,58	21	2,50	21
1.14. Thực hiện CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có sự tham gia tiếp thu phản hồi bởi các nhà khoa học, giảng viên ở cấp khoa/bộ môn (D)	3,47	8	3,11	4	3,29	5
1.15. Nội dung việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được công khai, đưa vào tài liệu phổ biến cho giảng viên, người học (sổ tay giảng viên, sổ tay sinh viên) và công khai với người học, phụ huynh, cơ sở tuyển dụng lao động và xã hội (D)	2,93	17	2,77	13	2,85	18
1.16. Trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (C)	3,39	11	2,74	16	3,06	13
1.17. Các nhà khoa học, giảng viên có kết quả NCKH được CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có tham gia quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (C)	3,51	7	2,90	9	3,20	7
1.18. Các tổ chức ngoài nhà trường tham gia giám sát, đánh giá việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên (C)	2,66	20	2,59	20	2,62	20
1.19. Kế hoạch (kể cả văn bản có tính “chiến lược”) việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn (A)	3,61	3	2,75	15	3,18	9
1.20. Các nhà khoa học, giảng viên và cơ sở tuyển dụng (bên ngoài nhà trường) có tham gia điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (kể cả văn bản có tính “chiến lược”) việc CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên phù hợp với thực tiễn (A)	3,29	13	2,71	18	3,00	14

1.21. Điều chỉnh Kế hoạch (kể cả văn bản có tính “chiến lược”) việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được công khai rộng rãi (A)	3,60	4	2,77	13	3,19	8
--	------	---	------	----	------	---

Nguồn: Số liệu khảo sát 03 trường đại học khối nông lâm, 2019

Kết quả khảo sát cho thấy trong số 21 nội dung quản lý việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có 05 nội dung được đánh giá ở mức tốt ( $3,25 \leq \bar{X} \leq 4,00$ ), trong đó có 03 nội dung 1.2, 1.1 và 1.4 được đánh giá có thứ hạng “tốt nhất”. Có 16 nội dung đánh giá ở mức khá, không có nội dung xếp ở mức trung bình và mức yếu. Có 03 nội dung được đánh giá ở mức “yếu nhất” gồm 1.13, 1.18 và 1.10.

Kết quả đánh giá cho thấy, nội dung “*Nhận thức của giảng viên, nhà khoa học về việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên*” được GV xếp hạng 1, CBQL xếp hạng 2 (tổng xếp hạng là 1). Tuy nhiên, GV đánh giá nội dung “*Nhận thức của lãnh đạo nhà trường, phòng chức năng, khoa chuyên môn về việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên*” chỉ ở hạng 5, trong khi đó CBQL đánh giá ở hạng 1. Có thể thấy, đối với nhận thức của lãnh đạo có sự đánh giá khác nhau giữa hai đối tượng khảo sát. Xem xét nội dung “*Trường có văn bản có tính “quy trình hóa” về việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên*” thì GV cho rằng nội dung này có thứ hạng 2, trong khi đó CBQL thì cho rằng chỉ đạt hạng 5. Như vậy, CBQL đánh giá việc ban hành các văn bản liên quan đến CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên chưa có quy trình đầy đủ, rõ ràng.

Trong số 03 nội dung được đánh giá là “yếu nhất” thì nội dung “*Thực hiện CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức ngoài nhà trường (chuyên gia, doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng lao động,...)*” (1.13) được đánh giá bởi cả CBQL (xếp hạng 21) và GV (xếp hạng 21). Nội dung “*Các tổ chức ngoài nhà trường tham gia giám sát, đánh giá việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên*” (1.18) được đánh giá bởi cả CBQL (xếp hạng 20) và GV (xếp hạng 20). Nội dung “*Kế hoạch CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được thiết kế có sự tham gia của rộng rãi các giảng viên, nhà khoa học trong trường cơ sở đào tạo*” (1.10) được đánh giá bởi cả CBQL (xếp hạng 19) và GV (xếp hạng 19). Đánh giá trên cho thấy sự đồng thuận rất cao trong đánh giá thực trạng của hai nhóm đối tượng khảo sát.

Xem xét các nội dung có mức đánh giá xếp hạng tương đối thấp trong nhóm đánh giá mức khá cho thấy, nội dung “*Nội dung việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được công khai, đưa vào tài liệu phổ biến cho giảng viên, người học (sổ tay giảng viên, sổ tay sinh viên) và công khai với người học, phụ huynh, cơ sở tuyển dụng lao động và xã hội*” (1.15) có hạng thứ 18/21, tiếp theo là nội dung “*Việc CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên được thực hiện đủ các bước theo quy trình*” (1.11) có thứ hạng là 17/21.

## 2.2.2. Thực trạng quản lý CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên

**Bảng 2. Kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý CGKQNCCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên**

Đối tượng Nội dung quản lý	CBQL		GV		TB chung	Hạng
	TB	Hạng	TB	Hạng		
2.1. Nhận thức của lãnh đạo nhà trường, phòng chức năng, khoa chuyên môn về CGKQNCCKH	3,48	12	2,89	10	3,18	11

vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (Awareness)						
2.2. Nhận thức của giảng viên, nhà khoa học về CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (Awareness)	3,72	2	3,21	1	3,47	2
2.3. Trường có văn bản có “chiến lược” về CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (P)	3,74	1	3,21	1	3,48	1
2.4. Trường có Văn bản có tính “quy trình hóa” về CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (P)	3,69	4	3,02	6	3,36	5
2.5. Kế hoạch CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> gắn với kế hoạch đào tạo của trường, khoa chuyên môn (P)	3,69	4	2,93	8	3,31	6
2.6. Kế hoạch CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được cụ thể theo khóa học, năm học. (P)	3,69	4	3,16	3	3,42	3
2.7. Kế hoạch CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> cụ thể trách nhiệm cần thực hiện cho cán bộ quản lí, các phòng chức năng, khoa/bộ môn, giảng viên. (P)	3,51	9	2,94	7	3,22	9
2.8. Các văn bản liên quan CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được ban hành đúng thời gian, đến các đối tượng thực hiện (P)	3,67	7	2,90	9	3,28	8
2.9. Kế hoạch CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> có sự tham gia rộng rãi của các nhà khoa học và các bên liên quan ngoài CSĐT (P)	3,72	2	3,04	5	3,38	4
2.10. Kế hoạch CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được thiết kế có sự tham gia của rộng rãi các giảng viên, nhà khoa học trong trường (trong CSĐT) (P).	3,10	16	2,88	12	2,99	15
2.11. <i>Đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được thực hiện đủ các bước theo quy trình (D)	2,87	19	2,42	20	2,64	19
2.12. Bản dự thảo <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (D)	3,04	17	2,87	13	2,96	16
2.13. Thực hiện CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức ngoài nhà trường (chuyên gia, doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng lao động,...) (D)	2,43	21	2,58	19	2,51	21
2.14. Thực hiện CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> có sự tham gia tiếp thu phản hồi bởi các nhà khoa học, giảng viên ở cấp khoa/bộ môn (D)	3,48	12	3,11	4	3,30	7
2.15. Nội dung CGKQNCKH vào <i>đổi mới</i>	2,93	18	2,77	14	2,85	17

<i>phương pháp học tập của sinh viên</i> được công khai, đưa vào tài liệu phổ biến cho giảng viên, người học (sổ tay giảng viên, sổ tay sinh viên) và công khai với người học, phụ huynh, cơ sở tuyển dụng lao động và xã hội. (D)						
2.16. Trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (C)	3,38	14	2,74	15	3,06	13
2.17. Các nhà khoa học, giảng viên có kết quả NCKH được CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> có tham gia quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (C)	3,51	9	2,89	10	3,20	10
2.18. Các tổ chức ngoài nhà trường tham gia giám sát, đánh giá CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> (C)	2,66	20	2,59	17	2,62	20
2.19. Kế hoạch (kể cả văn bản có tính “chiến lược”) CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn (A)	3,38	14	2,26	21	2,82	18
2.20. Các nhà khoa học, giảng viên và cơ sở tuyển dụng (bên ngoài nhà trường) có tham gia điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (kể cả văn bản có tính “chiến lược”) CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> phù hợp với thực tiễn (A)	3,53	8	2,60	16	3,07	12
2.21. Điều chỉnh Kế hoạch (kể cả văn bản có tính “chiến lược”) CGKQNCKH vào <i>đổi mới phương pháp học tập của sinh viên</i> được công khai rộng rãi. (A)	3,50	11	2,59	17	3,04	14

Nguồn: Số liệu khảo sát 03 trường đại học khối nông lâm, 2019

Kết quả khảo sát cho thấy, nội dung đánh giá thực trạng quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên được trình bày trong Bảng 2.

Qua kết quả khảo sát cho thấy trong số 21 nội dung *quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên* có 08 nội dung được đánh giá ở mức tốt ( $3,25 \leq \bar{X} \leq 4,00$ ), trong đó có 03 nội dung 2.3, 2.2 và 2.6 được đánh giá có thứ hạng “tốt nhất”. Trong tổng số 13 nội dung còn lại được đánh giá khá ( $2,50 \leq \bar{X} \leq 3,24$ ), có 03 nội dung được đánh giá ở mức “yếu nhất” gồm 2.13, 2.18 và 2.11.

Trong tổng số 08 nội dung được đánh giá ở mức tốt, có 01 nội dung thuộc nhóm nhận thức, 06 nội dung thuộc nhóm lập kế hoạch và 01 nội dung thuộc nhóm tổ chức thực hiện.

Nội dung “*Nhận thức của giảng viên, nhà khoa học về CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên*”, với mức xếp hạng là 2, trong đó GV xếp hạng 1, CBQL xếp hạng 2, điều này khẳng định có sự đồng thuận cao giữa hai đối tượng khảo sát, trong đó GV có vai trò trong việc đổi mới phương pháp học tập của sinh viên. Nội dung 2.3. “*Trường có văn bản có “chiến lược” về CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên*”, xếp hạng 1 ở cả CBQL và GV. Có thể thấy rằng, nhà trường đã ban hành những văn bản nhằm yêu cầu GV và khuyến khích sinh viên thay đổi phương pháp học tập gắn với hoạt động nghiên cứu

khoa học. Ngoài ra, hoạt động này cũng được tổ chức theo năm học và khóa học, thể hiện qua nội dung 2.6 “*Kế hoạch CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên được cụ thể theo khóa học, năm học*” được đánh giá xếp hạng 3/21.

Kết quả đánh giá của hai đối tượng khảo sát cho thấy 01 nội dung thuộc nhóm nhận thức, 02 nội dung thuộc nhóm lập kế hoạch, 04 nội dung thuộc nhóm tổ chức thực hiện, các nội dung còn lại thuộc nhóm kiểm tra đánh giá và điều chỉnh bổ sung ở mức khá. Nội dung 2.13 “*Thực hiện CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức ngoài nhà trường (chuyên gia, doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng lao động,...)*” chủ yếu là do CBQL đánh giá ở mức “yếu nhất” (21/21), GV cũng đánh giá ở mức 19/21. Nội dung 2.18 “*Các tổ chức ngoài nhà trường tham gia giám sát, đánh giá CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên*” được đánh giá bởi chủ yếu là CBQL, xếp hạng 20. Tuy nhiên, GV cũng đánh giá ở mức khá thấp (xếp hạng 17) đối với sự tham gia giám sát, đánh giá của các tổ chức ngoài nhà trường. Mặc dù nhà trường đã ban hành văn bản định hướng về đổi mới phương pháp học tập của sinh viên, tuy nhiên qua đánh giá nội dung 2.11 “*Đổi mới phương pháp học tập của sinh viên được thực hiện đủ các bước theo quy trình*” (xếp hạng 19) cho thấy quy trình thực hiện chưa chặt chẽ.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu sử dụng phương pháp bảng hỏi được thiết kế ở 4 mức độ đánh giá khác nhau để khảo sát thực trạng quản lý của 2 tiêu chí cơ bản liên quan đến CGKQNCKH vào đào tạo, đó là đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên. Kết quả phân tích thực trạng quản lý cho thấy, quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên có nội dung được đánh giá là “yếu” thuộc nhóm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát. Trong khi đó, quản lý CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp học tập của sinh viên có các nội dung quản lý được đánh giá ở mức “yếu nhất” thuộc nhóm tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch. Đây là cơ sở để đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với CGKQNCKH vào đổi mới phương pháp dạy và học trong trường đại học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Mick Healey, Fiona Jordan , Barney Pell and Chris Short, 2010. The research–teaching nexus: a case study of students' awareness, experiences and perceptions of research. *Innovations in Education and Teaching International*, 47:2, 235-246.
- [2] Susan Mayson and Jan Schapper, 2012. Constructing teaching and research relations from the top: an analysis of senior manager discourses on research-led teaching. *High Education* 64, 473–487.
- [3] Hugo Horta, Vincent Dautelc and Francisco M. Veloso, 2012. An output perspective on the teaching–research nexus: an analysis focusing on the United States higher education system. *Studies in Higher Education*, 37 (2), 171-187
- [4] Gerda J. Visser-Wijnveen, Jan H. Van Driel, Roeland M. Van der Rijst, Nico Verloop and Anthonya Visser, 2010. The ideal research-teaching nexus in the eyes of academics: building profiles. *Higher Education Research & Development*, Vol. 29, No. 2, 195–210
- [5] Quality: the views of undergraduate and postgraduate students. *Studies in Higher Education* 27(3), 309-327.



- [6] Lars Geschwind and Anders Broström, 2015. Managing the teaching–research nexus: ideals and practice in research-oriented universities. *Higher Education Research & Development*, 2015, Vol. 34, No. 1, 60–73,
- [7] Trần Nam Tú, 2018. Nghiên cứu khoa học và biểu hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu vào đào tạo của các trường đại học khối Nông Lâm, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 11, 17-21.
- [8] Donghun Yoon, 2017. The effect analysis of the research results on the spatial concentration and utilization sharing of research equipment. *International Journal of Engineering Business Management* Volume 9, 1–11
- [9] McLernon, T. and D. Hughes, 2003. *Research versus Teaching in the built environment discipline*. Building Education and Research Conference, Salford.
- [10] Roger Lindsay, Rosanna Breen and Alan Jenkins, 2002. Academic Research and Teaching Quality: The views of undergraduate and postgraduate students. *Studies in Higher Education*, Volume 27, 2002 - Issue 3, pp.309-327.
- [11] Ailwood, Sarah; Eastel, Patricia; Sainsbury, Maree; and Bartels, Lorana, 2012. Connecting Research and Teaching: A Case Study from the School of Law, University of Canberra. *Legal Education Review*: Vol. 22: Iss. 2, Article 4.
- [12] Dill, D. and F. Van Vught (eds), 2010). *National Innovation and the Academic Research Enterprise*; Public Policy in Global Perspective. the Johns Hopkins University Press, Baltimore.

## **ABSTRACT**

### **Current situation of management of transferring scientific research results into innovation of teaching and learning methods at agriculture and forestry universities**

Tran Nam Tu

*Department of Science, Technology and Environment, Ministry of Education and Training*

This paper presents current situation of management of transferring scientific research results into innovating both teaching methods of lecturers and learning methods of students at universities of agriculture and forestry. The study has conducted a survey at 03 universities of agriculture and forestry to evaluate different levels of management elements from awareness (A), planning (P), do (D), check (C) and act (A). Data analysis showed that there are different evaluations of management elements, which are scientific basic for proposing solutions to manage this activity at university.

**Keywords:** management of transferring research results, universities of Agriculture and Forestry, scientific research, educational management.